

CHIẾN LƯỢC HỢP TÁC
GIỮA
BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VÀ
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ AUSTRALIA
(ACIAR)
GIAI ĐOẠN 2026–2035

GIỚI THIỆU

Bộ Nông nghiệp và Môi trường Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam (MAE) và Trung tâm Nghiên cứu Nông nghiệp Quốc tế Australia (ACIAR) (sau đây gọi là “các Bên”),

Ghi nhận quan hệ hợp tác lâu dài và thành công giữa Việt Nam và Australia trong nghiên cứu nông nghiệp, đổi mới sáng tạo và phát triển nông thôn bền vững thông qua ACIAR trong hơn ba thập kỷ qua;

Tái khẳng định về việc khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hợp tác quốc tế là những động lực then chốt để chuyển đổi các hệ thống nông nghiệp và lương thực theo hướng nâng cao năng suất, đảm bảo tính bền vững, khả năng chống chịu, năng lực cạnh tranh và trách nhiệm đối với môi trường;

Trên cơ sở định hướng của Quan hệ Đối tác Chiến lược Toàn diện Việt Nam – Australia, Kế hoạch Đối tác Phát triển Australia – Việt Nam 2025–2030, Bản ghi nhớ Hợp tác ký kết năm 2024 giữa ACIAR và MAE, Chiến lược Hợp tác Nghiên cứu ACIAR – Việt Nam giai đoạn 2017–2027, cùng các định hướng hợp tác song phương liên quan khác;

Ghi nhận những thế mạnh được quốc tế công nhận của Australia trong các lĩnh vực khoa học nông nghiệp, đổi mới sáng tạo, nông nghiệp số, an toàn sinh học, hệ thống sản xuất chống chịu với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên thiên nhiên và nghiên cứu môi trường, cùng với những lợi thế so sánh của Việt Nam về nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng sinh học, chuỗi giá trị nông nghiệp và cam kết mạnh mẽ đối với tăng trưởng xanh, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững;

Chia sẻ nguyện vọng chung về việc tăng cường quan hệ đối tác chiến lược dài hạn nhằm tạo ra các kết quả nghiên cứu thiết thực, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ, hỗ trợ xây dựng chính sách dựa trên bằng chứng, đóng góp vào sự phát triển nông nghiệp và môi trường bền vững có lợi cho nông dân sản xuất quy mô nhỏ tại Việt Nam;

Thông nhất Chiến lược Hợp tác sau đây cho giai đoạn 2026–2035.

I. TẦM NHÌN

Đến năm 2035, Hai bên hướng tới việc thiết lập quan hệ đối tác chiến lược hàng đầu trong lĩnh vực nghiên cứu nông nghiệp, đổi mới sáng tạo và chia sẻ tri thức, nhằm hỗ trợ nền nông nghiệp bền vững, sử dụng tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm, môi trường bền vững, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và phát triển nông thôn mang tính bao trùm tại Việt Nam và Australia, đồng thời góp phần vào việc đảm bảo an ninh lương thực và phát triển bền vững của khu vực.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng thể

Tăng cường hợp tác chiến lược giữa MAE và ACIAR thông qua hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, trao đổi tri thức, hợp tác kỹ thuật, đóng góp vào sự chuyển đổi nông nghiệp bền vững, sử dụng tài nguyên thiên nhiên hiệu quả và có trách nhiệm, môi trường bền vững, chống chịu với biến đổi khí hậu và cải thiện sinh kế cho Việt Nam.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Duy trì và mở rộng các quan hệ hợp tác lâu dài trong lĩnh vực nghiên cứu nông nghiệp, đổi mới sáng tạo và chia sẻ tri thức giữa Australia và Việt Nam.

b) Cải thiện sinh kế, thu nhập, khả năng chống chịu và cơ hội kinh tế cho hộ nông dân sản xuất nhỏ, cộng đồng nông thôn và các nhóm dễ bị tổn thương, góp phần giảm nghèo và phát triển nông thôn bao trùm tại Việt Nam.

c) Thúc đẩy việc phát triển, thích ứng, trình diễn và ứng dụng các công nghệ tiên tiến, bao gồm công nghệ số, trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và các đổi mới sáng tạo mới nổi khác, nhằm nâng cao năng suất, tính bền vững và khả năng chống chịu.

d) Hỗ trợ phát triển các hệ thống lương thực thích ứng với biến đổi khí hậu, phát thải thấp và bền vững, thông qua các giải pháp dựa trên cơ sở khoa học, đổi mới sáng tạo và thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, kinh tế sinh học.

e) Thúc đẩy quản lý bền vững và sử dụng có trách nhiệm đối với đất đai, nguồn nước, rừng, nguồn lợi thủy sản và đa dạng sinh học thông qua hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo.

f) Hỗ trợ thực hiện các cam kết quốc tế có liên quan của các Bên về biến đổi khí hậu, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững và giảm phát thải khí nhà kính, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các ưu tiên và quy định pháp luật hiện hành của mỗi Bên.

g) Tăng cường năng lực nghiên cứu, năng lực thể chế, hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo thông qua hợp tác nghiên cứu, chia sẻ dữ liệu, tri thức và các quan hệ đối tác chiến lược.

h) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và tăng cường sự tham gia của phụ nữ, thanh niên, các nhà nghiên cứu trẻ và các nhóm dễ bị tổn thương vào các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển bền vững.

i) Nâng cao đóng góp của Việt Nam và Australia vào hợp tác khu vực và quốc tế thông qua việc thúc đẩy quan hệ đối tác nghiên cứu, mạng lưới đổi mới sáng tạo và chia sẻ tri thức vì nền nông nghiệp bền vững và các hệ thống lương thực có khả năng chống chịu.

III. NGUYÊN TẮC HỢP TÁC

Hoạt động hợp tác theo Chiến lược này sẽ tuân thủ các nguyên tắc sau:

1. Bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi

Hợp tác được thực hiện trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, cùng có lợi và tôn trọng chức năng, nhiệm vụ, lợi thế so sánh cũng như các ưu tiên phát triển của mỗi Bên, theo tinh thần ghi nhận sự nâng tầm vị thế của Việt Nam từ bên nhận viện trợ sang đối tác cùng đầu tư.

2. Tuân thủ pháp luật và các khuôn khổ hợp tác hiện hành

Mọi hoạt động hợp tác phải được triển khai phù hợp với pháp luật, quy định và quy trình hiện hành của mỗi Bên, đồng thời thống nhất với các khuôn khổ hợp tác song phương, khu vực và đa phương có liên quan.

3. Quan hệ đối tác, đổi mới sáng tạo và chia sẻ tri thức

Các Bên sẽ thúc đẩy hợp tác nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, trao đổi tri thức, chuyển giao công nghệ và xây dựng quan hệ đối tác thể chế dài hạn nhằm mang lại kết quả thiết thực và cùng có lợi.

4. Hợp tác dựa trên nhu cầu và nguồn lực

Các ưu tiên và hoạt động hợp tác sẽ được xác định trên cơ sở thống nhất giữa các Bên, có tính đến nhu cầu, nguồn lực sẵn có, thể mạnh và các ưu tiên chiến lược của mỗi Bên.

5. Tính bền vững và đổi mới sáng tạo có trách nhiệm

Hoạt động hợp tác cần thúc đẩy hệ thống nông nghiệp và lương thực bền vững, quản lý tài nguyên thiên nhiên có trách nhiệm, môi trường bền vững, khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và đổi mới sáng tạo; đồng thời xem xét các thực hành tốt được quốc tế công nhận, bao gồm cả các phương pháp tiếp cận về Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG) phù hợp.

6. Tính bao trùm

Các hoạt động hợp tác nghiên cứu theo Chiến lược này sẽ hướng tới việc cải thiện sinh kế cho nông hộ sản xuất nhỏ và cộng đồng nông thôn, đồng thời luôn chú trọng đến bình đẳng giới và tính bao trùm xã hội. Khuyến khích sự tham gia thực chất của phụ nữ, thanh niên, các nhà nghiên cứu trẻ, người dân tộc thiểu số và các nhóm dễ bị tổn thương khác trong các hoạt động hợp tác phù hợp.

7. Tính minh bạch và trách nhiệm giải trình

Các hoạt động hợp tác cần được triển khai theo hướng minh bạch, có trách nhiệm giải trình và chú trọng kết quả, đồng thời đảm bảo tính trung thực trong khoa học và sử dụng nguồn lực một cách có trách nhiệm.

8. Không mang tính ràng buộc pháp lý

Chiến lược này thể hiện ý chí chung của các Bên và không tạo ra các quyền hay nghĩa vụ ràng buộc về mặt pháp lý, các cam kết tài chính hay nghĩa vụ theo luật pháp quốc gia hoặc quốc tế.

Mọi hoạt động hợp tác cụ thể sẽ được xác định dựa trên các thỏa thuận riêng, trên cơ sở đồng thuận, nguồn lực sẵn có cũng như pháp luật, quy định và quy trình hiện hành của mỗi Bên.

IV. LĨNH VỰC HỢP TÁC – CÁC CHỦ ĐỀ NGHIÊN CỨU

1. Chủ đề 1: Các hệ thống nông nghiệp bền vững, phát thải thấp và tuần hoàn

Các Bên sẽ thúc đẩy hợp tác nghiên cứu và đổi mới sáng tạo nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang các hệ thống nông nghiệp bền vững, có khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và phát thải thấp thông qua việc:

a) Thúc đẩy các phương thức canh tác tái tạo, thích ứng với biến đổi khí hậu trong các hệ thống trồng, chăn nuôi, lâm nghiệp và nuôi trồng thủy sản, bao gồm sự tham gia của các hộ sản xuất nhỏ và cộng đồng dễ bị tổn thương;

b) Giảm phát thải khí nhà kính, bao gồm khí mê-tan, thông qua việc cải thiện hệ thống canh tác, công nghệ và công tác quản lý của các hộ sản xuất nhỏ;

c) Thúc đẩy các phương thức kinh tế tuần hoàn và kinh tế sinh học bằng cách giảm thiểu tổn thất và lãng phí, tăng cường tái sử dụng và gia tăng giá trị cho các phụ phẩm nông nghiệp và hỗ trợ sản xuất sử dụng tài nguyên hiệu quả;

d) Tăng cường sức khỏe đất, phục hồi hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý cảnh quan bền vững;

e) Hỗ trợ các phương pháp tiếp cận dựa trên cơ sở khoa học trong quản lý carbon, hấp thụ carbon và các giải pháp dựa vào thiên nhiên khác trong bối cảnh phù hợp.

2. Chủ đề 2: Nông nghiệp số, Đổi mới sáng tạo và Công nghệ tiên tiến cho các nông hộ nhỏ

Các Bên sẽ nỗ lực tăng cường hợp tác nghiên cứu về các công nghệ mới nổi và đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng suất, tính bền vững và khả năng chống chịu cho các hộ sản xuất nhỏ thông qua việc:

a) Thúc đẩy nông nghiệp số, trí tuệ nhân tạo, viễn thám, Internet Vạn vật (IoT), các nền tảng dữ liệu và hệ thống hỗ trợ ra quyết định cho các hệ thống canh tác của hộ sản xuất nhỏ;

b) Phát triển công nghệ sinh học, hệ gen học, các công nghệ chọn tạo giống tiên tiến và quản lý nguồn gen nhằm tạo ra các hệ thống cây trồng, vật nuôi, lâm nghiệp và thủy sản có khả năng chống chịu tốt cho nông hộ sản xuất nhỏ;

c) Hỗ trợ trình diễn, kiểm chứng công nghệ và áp dụng có trách nhiệm các giải pháp đổi mới sáng tạo phù hợp với điều kiện địa phương;

d) Tăng cường khả năng truy xuất nguồn gốc số, giám sát an toàn sinh học, các hệ thống Đo lường, Báo cáo và Kiểm định (MRV) khí nhà kính và việc tạo lập cơ sở dữ liệu bằng chứng cho hộ sản xuất nhỏ; và

e) Khuyến khích các quan hệ đối tác đổi mới sáng tạo có sự tham gia của các viện nghiên cứu, trường đại học, khu vực tư nhân và cộng đồng nông dân.

3. Chủ đề 3: Một Sức khỏe, An toàn Sinh học và Hệ thống Lương thực Thực phẩm bền vững

Các Bên sẽ tăng cường nghiên cứu liên ngành theo cách tiếp cận "Một Sức khỏe" thông qua việc:

a) Cải thiện công tác giám sát, khả năng sẵn sàng ứng phó và quản lý các dịch bệnh xuyên biên giới, bệnh lây truyền từ động vật sang người và các dịch bệnh mới nổi;

b) Tăng cường an toàn sinh học trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp;

c) Hỗ trợ phòng chống kháng kháng sinh và sử dụng có trách nhiệm đối với thuốc thú y và các vật tư đầu vào nông nghiệp;

d) Cải thiện các hệ thống đảm bảo an toàn thực phẩm, chất lượng và truy xuất nguồn gốc;

e) Thúc đẩy các hệ thống thực phẩm lành mạnh, có khả năng chống chịu và bền vững thông qua khoa học, đổi mới sáng tạo và quản lý dựa trên cơ sở đánh giá rủi ro.

4. Chủ đề 4: Chuỗi giá trị bao trùm, Sinh kế nông thôn và Đổi mới thị trường

Các Bên sẽ thúc đẩy phát triển nông nghiệp bao trùm và định hướng thị trường thông qua việc:

a) Cải thiện các chuỗi giá trị bền vững, gia tăng giá trị và đổi mới sáng tạo trong khâu sau thu hoạch;

b) Tăng cường hợp tác giữa nhà sản xuất, hợp tác xã, doanh nghiệp nông nghiệp, các viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các bên liên quan khác;

c) Cải thiện khả năng tiếp cận thị trường, chất lượng sản phẩm, khả năng truy xuất nguồn gốc và thực hiện các tiêu chuẩn về bền vững;

d) Hỗ trợ các cơ hội sinh kế bao trùm cho phụ nữ, thanh niên, người dân tộc thiểu số, các nhóm dễ bị tổn thương, cộng đồng phụ thuộc vào rừng và cộng đồng nông thôn;

e) Khuyến khích đổi mới sáng tạo nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng chống chịu và chia sẻ lợi ích chung trong toàn bộ chuỗi giá trị nông nghiệp.

5. Chủ đề 5: Thích ứng với Biến đổi Khí hậu, Khả năng Chống chịu của Tài nguyên Thiên nhiên và Hệ sinh thái

Các Bên sẽ tăng cường nghiên cứu hợp tác để nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý tài nguyên bền vững bằng cách:

a) Cải thiện các chiến lược thích ứng với biến đổi khí hậu cho các hệ thống trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, lâm nghiệp ở quy mô nông hộ sản xuất nhỏ;

b) Hỗ trợ quản lý tổng hợp với đất, nước và các tài nguyên thiên nhiên khác thông qua các phương pháp dựa trên khoa học;

c) Thúc đẩy phục hồi hệ sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học và hệ thống cảnh quan có khả năng chống chịu;

d) Tăng cường khả năng chống chịu của cộng đồng trước biến đổi khí hậu và thiên tai;

e) Phát triển các giải pháp thích ứng và phục hồi phù hợp với địa phương ở các khu vực địa lý ưu tiên.

6. Chủ đề 6: Tiến bộ Khoa học, Đổi mới Chính sách và Quan hệ Đối tác Tri thức

Các Bên sẽ tăng cường hợp tác thể chế dài hạn thông qua việc:

a) Hỗ trợ hợp tác nghiên cứu, tiến bộ khoa học, và các quan hệ đối tác liên ngành;

b) Tăng cường năng lực nghiên cứu thông qua trao đổi chuyên gia, học bổng, đào tạo và thúc đẩy việc giao lưu trao đổi trong giới nghiên cứu;

c) Thúc đẩy việc hoạch định chính sách dựa trên bằng chứng thông qua nghiên cứu, đối thoại chính sách và trao đổi tri thức;

d) Tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ biến công nghệ có trách nhiệm và biến kết quả nghiên cứu thành các ứng dụng thực tiễn khi phù hợp;

e) Tăng cường các mạng lưới đổi mới sáng tạo, kết nối các cơ quan chính phủ, tổ chức nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và các đối tác quốc tế;

f) Khuyến khích trao đổi tri thức mở, truyền thông khoa học và giao lưu học hỏi.

V. CÁC KHU VỰC ĐỊA LÝ TRỌNG TÂM

Các hoạt động hợp tác theo Chiến lược này có thể được triển khai trên phạm vi toàn Việt Nam, trên cơ sở các ưu tiên quốc gia, nhu cầu nghiên cứu và nguồn lực sẵn có. Không nhằm giới hạn các cơ hội hợp tác trong tương lai, các Bên xác định các khu vực địa lý ưu tiên sau đây:

1. Khu vực Duyên hải

Nghiên cứu và đổi mới sáng tạo nhằm thúc đẩy nghề cá bền vững, nuôi trồng thủy sản, quản lý tài nguyên biển, phát triển kinh tế xanh, nâng cao khả năng chống chịu của khu vực ven biển và cải thiện sinh kế cộng đồng.

2. Khu vực Miền núi

Nghiên cứu hỗ trợ sinh kế bền vững, các hệ thống canh tác chống chịu với biến đổi khí hậu, nông lâm kết hợp, bảo tồn đa dạng sinh học và nâng cao khả năng tham gia thị trường của đồng bào dân tộc thiểu số và cộng đồng vùng cao.

2. Đồng bằng Sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long

Nghiên cứu nhằm tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp bền vững, quản lý tài nguyên nước, phát triển các hệ thống canh tác phát thải thấp và xây dựng các hệ thống sản xuất lương thực, thực phẩm có khả năng chống chịu cao.

VI. HÌNH THỨC HỢP TÁC

Hai Bên sẽ triển khai hợp tác thông qua việc thúc đẩy quan hệ đối tác nghiên cứu với các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và các đối tác liên quan khác nhằm hỗ trợ các dự án nghiên cứu và phát triển năng lực.

VII. CƠ CHẾ ĐIỀU PHỐI

1. Các Bên chỉ định đầu mối liên lạc của mình để tạo thuận lợi cho việc trao đổi thông tin, điều phối và triển khai thực hiện Chiến lược này.

2. Các Bên sẽ phối hợp thành lập Nhóm Công tác Chung. Nhóm sẽ họp thường niên để rà soát tiến độ thực hiện, xác định các ưu tiên mới nổi và thúc đẩy điều phối các hoạt động hợp tác.

3. Các Bên khuyến khích xây dựng các ưu tiên hợp tác mang tính định hướng hàng năm hoặc nhiều năm, vào thời điểm phù hợp, nhằm hướng dẫn việc triển khai Chiến lược này.

4. Các cuộc đối thoại đối tác hoặc các cuộc họp điều phối sẽ được tổ chức định kỳ trên cơ sở đồng thuận của các Bên và luân phiên tổ chức hai năm một lần, nhằm trao đổi thông tin, rà soát tiến độ và tìm kiếm các cơ hội hợp tác mới.

5. Các Bên có thể tiến hành đánh giá giữa kỳ vào khoảng năm 2030 và đánh giá tổng kết vào năm 2035 nhằm xem xét việc triển khai thực hiện, ghi nhận các bài học kinh nghiệm và cân nhắc các định hướng hợp tác trong tương lai.

6. Việc đánh giá kết quả sẽ dựa trên các chỉ số định tính và định lượng phù hợp, được hai Bên thống nhất và phù hợp với nguồn lực cũng như các quy định của mỗi Bên.

VIII. ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

1. Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam

Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. ACIAR

Văn phòng Quốc gia ACIAR tại Việt Nam

IX. NGUỒN LỰC

Các hoạt động hợp tác theo Chiến lược này sẽ được triển khai tùy thuộc vào khả năng huy động nguồn lực tài chính, kỹ thuật và nhân lực của các Bên, theo nguyên tắc đồng tài trợ và cùng đóng góp.

Các Bên có thể huy động sự hỗ trợ từ các chương trình hợp tác phát triển, các viện nghiên cứu, trường đại học, đối tác phát triển, tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân, chính quyền địa phương và các bên liên quan khác, phù hợp với pháp luật, quy định và thủ tục hiện hành của mỗi Bên.

Bộ Nông nghiệp và Môi trường Việt Nam, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền của mình, sẽ tạo điều kiện thuận lợi và điều phối việc triển khai các hoạt động hợp tác theo Chiến lược này phù hợp với pháp luật và các quy định của Việt Nam.

Các tổ chức tham gia có thể xem xét các cơ hội đầu tư hợp tác và huy động nguồn lực, trong bối cảnh thích hợp, trên cơ sở đồng thuận giữa các bên, nguồn lực sẵn có và phù hợp với pháp luật cũng như các thủ tục hiện hành của mỗi Bên.

Các thỏa thuận về tài chính, trách nhiệm và phương thức thực hiện đối với các chương trình hoặc dự án cụ thể sẽ được các tổ chức tham gia xác định và thống nhất riêng, phù hợp với pháp luật và các thủ tục hiện hành của mỗi Bên.

X. SỞ HỮU TRÍ TUỆ, DỮ LIỆU VÀ CÔNG BỐ KHOA HỌC

Việc quản lý, quyền sở hữu, sử dụng và phổ biến quyền sở hữu trí tuệ, dữ liệu nghiên cứu, các công bố khoa học và các kết quả nghiên cứu khác phát sinh từ các hoạt động hợp tác cụ thể theo Chiến lược này sẽ được điều chỉnh bởi các thỏa thuận riêng giữa các tổ chức tham gia và được thực hiện phù hợp với pháp luật, quy định và chính sách hiện hành của mỗi Bên.

Các Bên khuyến khích việc chia sẻ kịp thời các tri thức khoa học và kết quả nghiên cứu, đồng thời tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ, các yêu cầu về bảo mật, đạo đức nghiên cứu và các lợi ích thương mại hợp pháp.

XI. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

1. Chiến lược Hợp tác này thiết lập một khuôn khổ hợp tác không mang tính ràng buộc pháp lý nhằm tăng cường hợp tác giữa các Bên trong giai đoạn 2026–2035.

2. Các hoạt động hợp tác theo Chiến lược này sẽ được triển khai thông qua các chương trình, dự án, thỏa thuận hoặc các cơ chế hợp tác khác do các Bên cùng thống nhất, phù hợp với pháp luật, quy định và thủ tục hiện hành của mỗi Bên.

3. Không nội dung nào trong Chiến lược này được hiểu là tạo ra các nghĩa vụ mang tính ràng buộc pháp lý, các cam kết tài chính hoặc các quyền theo pháp luật quốc gia hoặc luật pháp quốc tế.

4. Chiến lược này không ảnh hưởng đến các quyền hoặc nghĩa vụ của bất kỳ Bên nào phát sinh từ các thỏa thuận song phương hoặc đa phương khác mà Bên đó là thành viên hoặc bên tham gia.

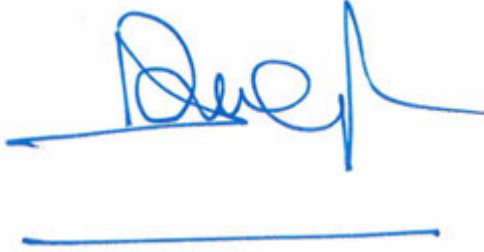
5. Mọi khác biệt liên quan đến việc giải thích hoặc thực hiện Chiến lược này sẽ được giải quyết một cách thiện chí thông qua tham vấn giữa các Bên.

6. Chiến lược này có thể được sửa đổi hoặc cập nhật vào bất kỳ thời điểm nào trên cơ sở đồng thuận bằng văn bản của các Bên (bao gồm cả thư điện tử, khi phù hợp).

7. Chiến lược này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Được ký tại Canberra, Australia, vào ngày 11 tháng 8 năm 2026, thành hai (02) bản gốc bằng tiếng Anh, mỗi bản có giá trị pháp lý như nhau, và mỗi Bên giữ một (01) bản gốc.

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG VIỆT NAM**



Đặng Ngọc Diệp
Thủ trưởng *Hu -*

**TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ
AUSTRALIA**



Nick Austin
Quyền Tổng Giám đốc điều hành